

# Những biến đổi của xã hội nông thôn Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa những năm đầu thế kỷ XXI

Phạm Văn Quyết\*

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội,  
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 16 tháng 10 năm 2012

**Tóm tắt:** Dựa trên kết quả điều tra 3000 hộ gia đình thuộc khu vực nông thôn của đề tài độc lập cấp nhà nước (ĐTĐL. 2010T/38) tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Dương, Bắc Ninh và Bình Dương vào năm 2010, bài viết đã đưa ra các bằng chứng thực tế để làm rõ những biến đổi trong đời sống kinh tế cũng như quan hệ gia đình, quan hệ cộng đồng ở nông thôn nước ta trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và hiện đại hóa trong những năm đầu của thế kỷ 21. Bên cạnh những thay đổi trong đời sống xã hội nông thôn theo hướng tích cực, phù hợp với quy luật, thì cũng tại nơi đây đã nảy sinh nhiều vấn đề bức xúc liên quan đến đất đai, dân số, lao động, môi trường và văn hóa xã hội rất cần được tháo gỡ.

*Từ khoá:* Nông thôn, nông nghiệp, nông dân, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, xây dựng nông thôn mới, biến đổi xã hội nông thôn.

Quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước đang từng ngày làm thay đổi diện mạo của nông nghiệp, nông thôn nước ta, cung cấp những điều kiện, tiền đề quan trọng để Việt Nam nhanh chóng đạt đến mục tiêu: Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại; gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ... như Nghị quyết 26 của BCHTW Đảng (khóa X) đã xác định. Việc phân tích để chỉ ra những đặc điểm, những vấn đề phát triển nông thôn nước ta trong những năm đầu của thế kỷ 21 là thực sự cần thiết. Điều đó không chỉ cho thấy tính đúng đắn trong các định hướng của Đảng và Nhà nước về

phát triển đất nước, mà còn cung cấp cơ sở khoa học giúp bổ sung, hoàn thiện hơn các chủ trương, chính sách trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, thúc đẩy nhanh chóng hơn nữa tiến trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn nước ta.

Bài viết phân tích về sự những biến đổi nông thôn nước ta trong những năm đầu của thế kỷ XXI được thực hiện trên cơ sở phân tích nguồn dữ liệu phong phú thu được từ kết quả điều tra của Đề tài với nhiều xã, phường, quận huyện và hơn 3000 hộ gia đình thuộc thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh Hải Dương, Bắc Ninh và Bình Dương của đề tài ĐTĐL.2010T/38 và các nguồn dữ liệu khác.

\* ĐT: 84-0912470932.

E-mail: p.quyet3@gmail.com

## 1. Biến đổi của nông thôn Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa

Quá trình công nghiệp hoá gắn với đô thị hoá và hiện đại hoá ở Việt Nam thời gian gần đây đã trực tiếp góp phần hình thành trên địa bàn nông thôn những khu công nghiệp, khu chế xuất các trung tâm dịch vụ, các khu đô thị mới... đã nâng giá trị sử dụng của đất đai, tạo những ngành nghề và việc làm mới, nâng cao giá trị lao động, tạo môi trường ứng dụng rộng rãi khoa học, công nghệ... Đô thị hoá kích thích và tạo cơ hội để con người năng động, sáng tạo

hơn trong tìm kiếm và lựa chọn các phương thức, hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh, vươn lên làm giàu chính đáng. Kết quả từ điều tra chọn mẫu của đề tài ĐTDL.2010T/38 đã cho thấy quá trình đô thị hóa hiện nay tại các địa phương đã tác động mạnh mẽ đến hầu hết các mặt khác nhau của đời sống xã hội ở nông thôn.

Về cơ cấu lao động: Theo kết quả điều tra tại thời điểm năm 2010 trung bình mỗi hộ gia đình trong mẫu điều tra có 2,87 lao động so với 2,93 lao động vào năm 2005 được phân bổ theo các ngành nghề hoạt động như sau:

Bảng 1. Cơ cấu lao động của hộ gia đình nông thôn theo các ngành nghề hoạt động tại thời điểm 2005 và 2010 (tính theo lao động trung bình của hộ gia đình).

Các lĩnh vực ngành nghề	Năm 2005 (số LĐ TB)	Năm 2010 (số LĐTB)	Chênh lệch
1. Làm nông, lâm, ngư nghiệp	1,21	0,94	- 0,27
2. Công chức, viên chức	0,15	0,16	0,01
3. Công nhân	0,35	0,43	0,08
4. Tiểu, thủ công nghiệp	0,12	0,14	0,02
5. Lao động tự do	0,38	0,38	
6. Dịch vụ (cắt tóc, rửa xe, ...)	0,07	0,10	0,03
7. Kinh doanh, buôn bán	0,21	0,27	0,06
8. Đang đi học	0,33	0,30	- 0,03
9. Không có việc làm	0,12	0,16	0,04
<b>Tổng</b>	<b>2,94</b>	<b>2,88</b>	

Nguồn: Kết quả điều tra chọn mẫu của đề tài: ĐTDL.2010T/38

Tại các địa bàn điều tra số lao động trung bình của các gia đình hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp vào năm 2010 chỉ chiếm 32,6%, làm công nhân chiếm gần 15%, các dịch vụ kinh doanh, buôn bán chiếm 12,8%... So sánh giữa 2 thời điểm 2005 và 2010 chúng ta thấy số lao động trung bình mỗi hộ gia đình tham gia lĩnh vực

nông, lâm, ngư nghiệp giảm đi 0,27 lao động, trong khi đó số lao động ở hầu hết các lĩnh vực nghề nghiệp khác đều tăng (xem bảng 1).

Từ sự phân bổ số lao động trong các lĩnh vực nghề nghiệp như trên, dẫn đến cơ cấu nguồn thu nhập chính của các hộ cũng thay đổi theo những xu hướng tương ứng (xem bảng 2).

Bảng 2. Cơ cấu nguồn thu nhập của các gia đình vào năm 2005 và 2010 (%)

Từ các lĩnh vực	Năm 2005	Năm 2010	Chênh lệch
1. Nông, lâm, ngư nghiệp	48,6	36,1	- 12,5
2. Công chức, viên chức	6,5	6,9	0,4
3. Công nghiệp	10,6	14,5	4,1
4. Dịch vụ	5,2	5,7	0,5
5. Tiểu, thủ công nghiệp	5,4	6,4	1,0
6. Kinh doanh, buôn bán	10,7	14,5	3,8
7. Nguồn khác	12,9	15,9	3,0
<b>Tổng</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	

Nguồn: Kết quả điều tra chọn mẫu của đề tài: ĐTDL.2010T/38

Số liệu từ bảng 2 chỉ ra rằng đến thời điểm 2010 còn tới 36,1% số hộ gia đình nông thôn trong mẫu điều tra có nguồn thu nhập chính từ nông, lâm, ngư nghiệp và số gia đình có nguồn thu chính từ các hoạt động dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp và kinh doanh buôn bán chiếm 26,6%. So với năm 2005 số gia đình có thu nhập chính từ nông, lâm, ngư nghiệp đã giảm đi đáng kể. Lý giải về tình trạng này nhiều ý kiến của lãnh đạo địa phương hướng đến lý do: mất

đất nông nghiệp cho làm đường xá, khu công nghiệp; do sự dịch chuyển lao động từ nông, lâm, ngư nghiệp sang lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp, kinh doanh, buôn bán có thu nhập cao hơn.

Sự dịch chuyển cơ cấu lao động và nguồn thu nhập đã dẫn đến làm tăng thu nhập cho các hộ gia đình nông thôn nói chung. Điều này được thể hiện qua ý kiến tự đánh giá của người dân về điều kiện kinh tế của gia đình họ (xem bảng 3).

Bảng 3. Ý kiến của người dân về mức sống kinh tế gia đình họ (%)

Mức sốngKT	Năm 2005	Năm 2010
1. Giàu	0,5	1,3
2. Khá	7,7	15,7
3. Trung bình	75,8	71,3
4. Nghèo	14,9	11,0
5. Rất nghèo	1,1	0,7
<b>Tổng</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>

Nguồn: Kết quả điều tra chọn mẫu của đề tài: ĐTĐL.2010T/38

Vào thời điểm năm 2010, kết quả nghiên cứu ý kiến của người dân tại các địa bàn điều tra cho thấy vẫn còn khoảng 11,7% số gia đình tự nhận có hoàn cảnh kinh tế ở mức nghèo và rất nghèo và 17,0% có mức kinh tế khá và giàu. So với năm 2005 tỷ lệ hộ có mức kinh tế khá, giàu đã tăng đáng kể, trong khi tỷ lệ các hộ có mức kinh tế trung bình, nghèo, rất nghèo đã giảm đi một cách tương đối.

Tình trạng nhà ở của người dân khu vực nông thôn vào thời điểm 2010 được thể hiện tại bảng 4. Có thể thấy một tỷ lệ khá cao (63,6%) số gia đình được điều tra đang sống trong những căn nhà kiên cố ở dạng nhà riêng hoặc chung cư và chỉ còn 3,7% số gia đình hiện đang sống trong những căn nhà tạm.

Bảng 4. Tình trạng nhà ở của cư dân nông năm 2005 và 2010

Loại hình nhà ở	Nhà ở năm 2005		Nhà ở hiện nay (2010)	
	Tỷ lệ	Diện tích T.bình (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ	Diện tích T.bình (m <sup>2</sup> )
Nhà riêng, kiên cố từ 3 tầng trở lên	3,7	180	5,8	184
Nhà riêng, kiên cố dưới 3 tầng	44,7	123	50,7	126
Nhà kiên cố, dạng chung cư	6,9	100	7,1	111
Nhà bán kiên cố	39,2	80	32,7	84
Nhà tạm	5,5	60	3,7	63
Khác	0,0	00	00	00
<b>Tổng</b>	<b>100,0</b>		<b>100,0</b>	

Nguồn: Kết quả điều tra chọn mẫu của đề tài: ĐTĐL.2010T/38

Có thể nói so với năm 2005 nhà ở của đa số người dân nông thôn hiện nay đã được cải thiện đáng kể. Các hộ dân ở trong các căn nhà lầu kiên cố xây dựng chắc chắn đều tăng lên cả ở số lượng và diện tích sinh sống. Nếu năm 2005 có 3,7% số gia đình thuộc nhóm có nhà lầu từ 3

tầng trở lên, trung bình mỗi hộ sở hữu 180 m<sup>2</sup> (bình quân 41,8 m<sup>2</sup>/người) và 44,7% có nhà riêng kiên cố dưới 2 tầng, trung bình mỗi hộ sở hữu 123 m<sup>2</sup> (bình quân 28,6 m<sup>2</sup>/người), thì năm 2010 tăng lên 5,8% số gia đình thuộc nhóm có nhà lầu từ 3 tầng trở lên, trung bình

mỗi hộ sở hữu 184 m<sup>2</sup> (bình quân 43,1 m<sup>2</sup>/người) và 50,7% có nhà riêng kiên cố dưới 2 tầng, trung bình mỗi hộ sở hữu 126 m<sup>2</sup> (bình quân 29,4 m<sup>2</sup>/người).

Như vậy, quá trình đô thị hóa cùng với việc mất đất nông nghiệp (trong mẫu điều tra trung bình mỗi gia đình vào năm 2005 có 2085,5 m<sup>2</sup> nông nghiệp và 77,9 m<sup>2</sup> đất vườn, ao hồ, đến năm 2010 còn 1591,1 m<sup>2</sup> đất nông nghiệp và 61,3m<sup>2</sup> đất vườn, hồ ao, trung bình mỗi hộ mất 494,4 m<sup>2</sup> đất nông nghiệp và 16,6m<sup>2</sup> đất ao hồ), sự chuyển dịch cơ cấu lao động, nguồn thu nhập... đã tác động cải thiện đáng kể mức sống kinh tế, nhà ở cho các hộ gia đình nông thôn.

Trên bình diện xã hội, quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa hơn hai chục năm qua đã từng bước tác động làm thay đổi dần bộ mặt xã hội nông thôn nước ta theo hướng hình thành, phát triển và mở rộng các quan hệ xã hội, các tổ chức xã hội của xã hội hiện đại. Trong điều tra, nghiên cứu thực nghiệm của đề tài, các nhà nghiên cứu đã quan tâm nhiều đến việc xem xét, phân tích những biến đổi về mặt xã hội ở nông thôn dưới tác động của đô thị hóa, khi hướng đến xem xét 2 chỉ báo đặc trưng, thể hiện khá tập trung về đời sống xã hội nông thôn nước ta: Vai trò giới trong gia đình và mức độ tích cực tham gia các tổ chức, đoàn thể xã hội của người dân.

Bảng 5. Đánh giá của người dân về mức độ tham gia của phụ nữ nông thôn vào công việc của gia đình, họ hàng, năm 2005 và 2010 (theo thang đánh giá 5 mức độ)

STT	Quan hệ giới trong gia đình, họ hàng	2005	2010
1	Công việc nội trợ (giặt giũ, lau dọn nhà cửa, cơm nước, .v.v)	4,56	4,57
2	Công việc sản xuất (trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ...)	3,92	3,83
3	Dạy dỗ, chăm sóc con cái	4,30	4,32
4	Chăm sóc người đau ốm, người cao tuổi	3,99	4,00
5	Quyết định các công việc quan trọng trong gia đình	3,53	3,63

Nguồn: Kết quả điều tra chọn mẫu của đề tài: ĐTDL.2010T/38

Vào thời điểm điều tra (năm 2010) những công việc “gia đình” như nội trợ, chăm sóc con cái, chăm sóc người cao tuổi, người ốm đau hầu hết đều do phụ nữ đảm nhận hoặc là người chịu trách nhiệm chính. Điều này không chỉ đúng đối với riêng phụ nữ nông thôn hiện nay mà trong nhiều nghiên cứu ở các giai đoạn trước đây về sự tham gia của phụ nữ vào các công việc gia đình ở các khu vực đô thị cũng cho kết quả tương tự. Nghiên cứu cũng cho thấy phụ nữ nông thôn cũng được đánh giá cao về sự tham gia của họ vào với các hoạt động sản xuất, với các quyết định về những công việc quan trọng trong gia đình. So sánh thời điểm năm 2010 với thời điểm năm 2005 mức độ tham gia của phụ nữ vào các công việc nội trợ, chăm sóc con cái, chăm sóc người cao tuổi, người ốm đau dường như không thay đổi, song mức độ tham gia của họ vào công việc sản xuất giảm đi đáng kể. Điều này được lý giải về sự giảm đi một cách

tuyệt đối các công việc sản xuất ở nông thôn do mất đất nông nghiệp, do việc áp dụng máy móc, kỹ thuật nhiều hơn trong sản xuất... Về mức độ tham gia của họ vào quyết định các công việc quan trọng của gia đình đã tăng lên đáng kể so với năm 2005. Đây có thể được coi là chỉ báo thực nghiệm quan trọng để nói về những thay đổi trong quan niệm của người dân nông thôn về vai trò của phụ nữ trong gia đình, cộng đồng theo định hướng của xã hội công nghiệp hiện đại.

Một chỉ báo xã hội khác thể hiện được khá rõ nét những tác động của lối sống đô thị tới sinh hoạt cộng đồng của người dân nông thôn gắn liền với việc hình thành, phát triển và sự tham gia của người dân vào các tổ chức xã hội. Ngoài ra đây cũng là chỉ báo xã hội quan trọng của việc mở rộng dân chủ xã hội, việc tiếp cận đến xã hội dân sự. Điều tra các hộ gia đình nông thôn hiện nay của đề tài cũng hướng đến xem xét chỉ báo xã hội này. Mức độ tích cực

tham gia của người dân nông thôn vào các tổ chức xã hội khác nhau ở địa phương còn thể hiện được tính đa dạng, phong phú trong đời sống văn hóa tinh thần của của người nông dân. Kết quả điều tra cho thấy vào thời điểm năm

2010 đã có khá nhiều tổ chức xã hội, nghề nghiệp được hình thành ở các vùng nông thôn và đã thu hút được sự tham gia của nhiều đối tượng cư dân phù hợp theo đặc điểm giới tính, lứa tuổi, nghề nghiệp và sự quan tâm cá nhân...

Bảng 6. Mức độ tích cực tham gia vào các tổ chức xã hội phù hợp của người dân nông thôn năm 2005 và 2010

<i>TT</i>	<i>Các tổ chức đoàn thể, xã hội</i>	<i>Năm 2005</i>	<i>Năm 2010</i>
1	Đảng Cộng sản Việt Nam	1,47	1,40
2	Đoàn Thanh niên	1,79	1,66
3	Hội Phụ nữ	2,89	2,90
4	Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam	1,50	1,51
5	Hội Nông dân	2,37	2,40
6	Hội Cựu chiến binh/Hội quân nhân	2,21	2,28
7	Hội Người cao tuổi	2,47	2,60
8	Hội Khuyến học	2,08	2,13
9	Hội đồng hương, hội đồng niên, hội đồng môn, đồng ngũ	2,35	2,43
10	Câu lạc bộ Hưu trí	1,57	1,61
11	Nhóm/câu lạc bộ thể thao/giải trí	1,31	1,33
12	Nhóm/Câu lạc bộ/Hội nghề nghiệp	1,18	1,19

Nguồn: Kết quả điều tra chọn mẫu của đề tài: ĐTĐL.2010T/38

Số liệu ở bảng 6 thể hiện ý kiến tự đánh giá về mức độ tích cực tham gia vào các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp của người dân nông thôn tại các tỉnh điều tra theo thang đo 5 mức độ. Các số liệu tại đây cho thấy hiện nay người dân nông thôn thể hiện sự tích cực hơn khi tham gia vào các tổ chức xã hội ít mang tính chính trị, nhưng có ý nghĩa thiết thực với cuộc sống của cá nhân gia đình họ, mang lại cho họ giá trị văn hóa, tinh thần tốt hơn như Hội người cao tuổi, Hội đồng ngũ, đồng môn, Hội nông dân, Hội phụ nữ, Hội khuyến học... Xét về điểm số thì có thể thấy mức độ tích cực tham gia của người dân nông thôn vào các tổ chức chính trị xã hội đa phần ở mức trung bình (từ 2-3 điểm), nghĩa là không quá sao nhãng, nhưng cũng không quá tích cực. Điều đó cũng nói nên được phần nào một trong những đặc điểm rất đặc trưng mang tính cố hữu của người nông dân.

Tuy nhiên, dưới sự tác động của quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, đặc tính trên đang dần dần được thay đổi: Trừ các tổ chức chính trị (Đảng, Đoàn thanh niên) và một số tổ chức xã hội chỉ phù hợp với số ít người dân ở nông thôn (Hội hưu trí, Câu lạc bộ thể thao, giải trí, Hội

nghề nghiệp) còn với đa số các tổ chức xã hội khác, mức độ tích cực tham gia của người dân vào thời điểm 2010 đều tăng lên đáng kể so với ở thời điểm năm 2005 (xem bảng 6).

Nhìn từ bình diện văn hoá, làn sóng đô thị hoá cùng với sự phát triển hạ tầng văn hoá xã hội, mở rộng mạng lưới thông tin đại chúng, tăng cường quan hệ làm ăn, buôn bán giữa các vùng miền... đã làm cho diện mạo nông thôn và đời sống tinh thần của cư dân nông thôn ngày càng phong phú, đa dạng hơn. Ở nông thôn đã xuất hiện những yếu tố văn hoá đô thị mới mẻ, hiện đại, sự truyền bá các sản phẩm văn hoá, các loại hình văn học, nghệ thuật có giá trị; sự du nhập lối sống, phong cách giao tiếp, ứng xử văn minh, tiến bộ... làm cho văn hoá làng quê có những sắc thái mới. Mức sống văn hoá, trình độ hưởng thụ và tham gia sáng tạo văn hoá của nông dân các vùng đô thị hoá, nhìn trên tổng thể, được nâng lên.

Kết quả điều tra ý kiến đánh giá của các hộ gia đình nông thôn tại 5 tỉnh của đề tài về mức độ xem truyền hình, đọc báo, tham quan du lịch, cũng như mức độ tham gia của họ vào các sinh hoạt văn hóa tinh thần của gia đình, cộng đồng và xã hội theo thang điểm 5 đã cho thấy ở

một số lĩnh vực mức độ tham gia của họ là khá tích cực như xem truyền hình, trò chuyện với các thành viên của gia đình, tham gia vào sinh hoạt cộng đồng, song ở một số lĩnh vực mức độ

tham gia ít, dường như vẫn còn khá xa lạ với khu vực nông thôn như truy cập internet, đi tham quan, du lịch, đọc báo in... (xem bảng 7)

Bảng 7. Điểm trung bình về mức độ tham gia các sinh hoạt văn hóa tinh thần của người dân nông thôn vào năm 2005 và 2010 (theo thang điểm 5).

STT	Các vấn đề	2005	2010
1	Xem Truyền hình	3,54	3,88
2	Đọc báo in	2,03	2,12
3	Nghe đài	2,08	2,18
4	Truy cập Internet	1,44	1,67
5	Đi tham quan, du lịch	1,97	2,13
6	Tham gia lễ hội	2,05	2,63
7	Đi uống bia/cà phê tại quán	1,67	1,74
8	Tham gia việc ma chay, cưới hỏi, giỗ chạp của họ hàng	3,96	4,09
9	Giúp đỡ bố/mẹ/anh/chị/em trong gia đình về tiền bạc	2,71	2,81
10	Giúp đỡ bố/mẹ/anh/chị/em về công sức	3,16	3,23
11	Trò chuyện với thành viên trong gia đình	4,07	4,16
12	Đưa ra lời khuyên hoặc tư vấn cho bố/mẹ/anh/chị/em khi họ cần đưa ra quyết định nào đó	3,47	3,58
13	Tham gia các sinh hoạt cộng đồng/thôn/xóm/ấp	3,31	3,54

Nguồn: Kết quả điều tra chọn mẫu của đề tài: ĐTĐL.2010T/38

Nếu so sánh mức độ tham gia các sinh hoạt thuộc lĩnh vực văn hóa tinh thần của người dân nông thôn giữa 2 thời điểm 2005 và 2010 chúng ta thấy rõ có sự thay đổi rất đáng kể ở hầu hết các loại hình sinh hoạt tinh thần mà nhóm nghiên cứu nêu ra. Điều đó cho thấy dường như đô thị hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã làm thay đổi một cách tích cực mức sống văn hoá, trình độ hưởng thụ và sự tham gia các hoạt động vui chơi, giải trí của người dân nông thôn.

Niềm tin vào xã hội, vào các quan hệ xã hội xung quanh cũng là một trong những chỉ báo có ý nghĩa không chỉ cho việc xem xét đánh giá về đời sống văn hóa tinh thần, mà còn cả cho đời sống vật chất của người dân nông thôn hiện nay. Vì vậy trong điều tra chọn mẫu tại 5 tỉnh thành của đề tài, nhóm nghiên cứu đã thiết kế công cụ nhằm đo lường mức độ tin tưởng của người dân vào hàng loạt các quan hệ, các hiện tượng xã hội hàng ngày (xem bảng 8).

Bảng 8. Mức độ tin tưởng của người dân nông thôn vào các quan hệ xã hội, năm 2005 và 2010

Các quan hệ xã hội	2005	2010	Các quan hệ xã hội	2005	2010
1. Vợ, chồng, con cái	4,63	4,68	11. Thông tin từ Internet	2,32	2,52
2. Cha mẹ, anh em	4,53	4,57	12. Chính quyền	4,00	4,08
3. Họ hàng	4,03	4,09	13. Người kinh doanh nhỏ	2,78	2,83
4. Hàng xóm, láng giềng	3,68	3,72	14. Các Công ty, doanh nghiệp	2,78	2,87
5. Bạn bè	3,51	3,55	15. Chính sách Nhà nước về kinh tế	3,93	3,99
6. Người mới gặp	1,52	1,55	16. Chính sách Nhà nước về xã hội	3,96	4,02
7. Giáo viên	3,84	3,98	17. Chính sách Nhà nước về đất đai	3,87	3,92
8. Cán bộ y tế	3,71	3,76	18. Chính sách Nhà nước về giáo dục	4,04	4,11
9. Thông tin từ Đài, Tivi	3,64	3,72	19. Chính sách Nhà nước về y tế	3,95	4,01
10. Thông tin từ báo in	3,14	3,22	20. Khác	3,27	3,07

Nguồn: Kết quả điều tra chọn mẫu của đề tài: ĐTĐL.2010T/38

Số liệu ở bảng 8 cho thấy trừ một vài mối quan hệ, cá nhân, tổ chức xã hội còn khá xa lạ với đời sống của đại đa số cư dân nông thôn như Internet, các công ty, doanh nghiệp, người kinh doanh nhỏ, còn hầu hết các quan hệ xã hội, các cá nhân và các tổ chức xã hội ở thời điểm hiện nay đều nhận được mức độ tin tưởng cao, khá cao của người dân nông thôn. So với năm 2005 mức độ tin tưởng vào các quan hệ xã hội, nhất là những mối quan hệ, cá nhân chưa thật quen thuộc với đời sống của đa số người dân nông thôn hiện nay đều tăng lên một cách đáng kể. Điều này không chỉ nói lên sự gia tăng, sự phong phú thêm của vốn xã hội, mà còn cho thấy những mối quan hệ, những yếu tố tương như chỉ có ở đời sống đô thị thì cũng đang dần chiếm được lòng tin của người dân nông thôn.

Như vậy đô thị hóa đã, đang tác động làm thay đổi căn bản bộ mặt đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội nông thôn nước ta. Kết quả điều tra mẫu tại 5 tỉnh của đề tài cho thấy thực tiễn đã chứng minh về tính hợp qui luật và những tác động tích cực của đô thị hoá đối với nông nghiệp, nông thôn, nông dân Việt Nam.

## 2. Những vấn đề trong phát triển nông thôn nước ta hiện nay

Do những khó khăn của nền kinh tế đất nước đang trong quá trình chuyển đổi, những hạn chế chủ quan trong quản lý, điều hành, những bất cập trong quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa ở Việt Nam đã, đang làm nảy sinh nhiều vấn đề bức xúc liên quan đến nông nghiệp, nông thôn, nông dân rất cần được tháo gỡ.

*- Sự suy giảm đất nông nghiệp và thiếu quy hoạch trong sử dụng đất ở nông thôn*

Để thu hút vốn đầu tư đáp ứng yêu cầu cho sự phát triển đất nước, những năm qua, Nhà nước và chính quyền các địa phương đã thực hiện chính sách cởi mở, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong việc tìm kiếm, chọn lựa địa điểm sản xuất, kinh doanh. Hàng vạn héc ta đất nông nghiệp ở các vùng kinh tế trọng điểm bị thu hồi phục vụ xây dựng các khu công nghiệp, dịch vụ, đường giao thông, khu dân cư.

Theo tạp chí “Time”, có khoảng 40.000ha đất nông nghiệp ở nước ta mất dần hàng năm để xây dựng các khu công nghiệp, đường cao tốc và các đô thị. “Các sân golf đang xé nát những cánh đồng lúa”... Từ năm 2000 đến nay, tại khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long đã xây dựng khoảng 40 khu công nghiệp với tổng diện tích lên đến 10.500ha. Trong ba năm tới, còn có kế hoạch sử dụng thêm 40.000ha đất nông nghiệp cho các dự án công nghiệp (Trương Lai, Nông thôn đối diện với công nghiệp hóa và đô thị hóa, <http://www.toquoc.gov.vn>).

Bình quân hàng năm, tính từ 2001 đến 2007, gần 10 vạn ha đất nông nghiệp được thu hồi đã phục vụ xây dựng các khu công nghiệp, dịch vụ, đường giao thông, khu dân cư; khoảng 50% diện tích đất nông nghiệp thu hồi nằm trong vùng kinh tế trọng điểm, trong đó, 80% thuộc loại đất màu mỡ cho 2 vụ lúa/năm. Sự dễ dãi cùng với tư tưởng chạy theo lợi ích kinh tế trước mắt và cả sự yếu kém trong qui hoạch, quản lý, sử dụng đã đưa tới tình trạng sử dụng đất tùy tiện, lãng phí. Hầu hết các khu công nghiệp, dịch vụ, dân cư... đều bám dọc các quốc lộ huyết mạch, các vùng nông thôn trù phú. Điều đó tác động mạnh đến công ăn việc làm, thu nhập và đời sống của hàng chục vạn hộ gia đình nông thôn với hàng triệu lao động nông nghiệp (Phùng Hữu Phú, Tạp chí tuyên giáo, số 3 năm 2009).

Mặt khác, công nghiệp hóa trong thời gian qua cũng tác động làm bộ phận cư dân nông thôn bỏ nghề nông di cư vào làm trong các khu công nghiệp, đất đai của họ đã không tập trung vào các hộ gia đình làm ăn giỏi để mở rộng qui mô sản xuất, mà lại bị bỏ hoá hoặc không chăm sóc. Người nông dân bỏ nghề nông đi kiếm sống nhưng vẫn cố giữ lại mảnh đất của mình làm vật “bảo hiểm” phòng khi thất cơ lỡ vận.

Như vậy, do yếu kém trong quản lý quy hoạch, tùy tiện trong sử dụng, đất nông nghiệp không những bị thu hồi cho phát triển khu đô thị, khu công nghiệp, xây dựng giao thông, mà một bộ phận còn bị bỏ hoang hoặc ít được chăm sóc, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp.

*- Sự ứ đọng lao động ở nông thôn và gia tăng dòng di cư từ nông thôn đến đô thị*

Quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa thời gian qua tác động khá mạnh đến sự dịch chuyển cơ cấu lao động ở nông thôn. Kết quả điều tra thực tế ở bảng 1 cho chúng ta thấy rõ sự dịch chuyển lao động từ lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp và thủy sản sang các lĩnh vực hoạt động phi nông nghiệp; vào năm 2010 trung bình mỗi hộ gia đình nông thôn có 2,87 lao động thì chỉ còn 0,95 lao động làm việc chủ yếu trong lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp, số còn lại làm việc trong lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, kinh doanh, buôn bán nhỏ, tiểu thủ công nghiệp hoặc lao động tự do... Tuy nhiên, so với yêu cầu của chuyển dịch cơ cấu kinh tế quá trình chuyển dịch trên, nhìn chung, diễn ra vẫn còn chậm, chưa tương thích. Sự phát triển công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn chưa đáp ứng yêu cầu của lực lượng lao động dôi dư của lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

Sự dư thừa lao động từ nông nghiệp đã thúc đẩy bộ phận khá lớn lao động đi kiếm việc làm tại các đô thị, các khu công nghiệp lớn. Kết quả điều tra chọn mẫu cũng cho thấy vào năm 2010 đã có 7,5% số hộ gia đình phải di dời do bị thu hồi đất đai, 14% số hộ gia đình có lao động phải di cư sang các địa phương khác (chủ yếu vào các thành phố) để kiếm việc làm và tăng thu nhập. Điển hình là nông thôn đồng bằng Sông Hồng, đồng bằng Sông Cửu Long xuất hiện dòng chuyển cư về thành thị, chủ yếu về các khu công nghiệp tập trung các đô thị lớn, đặc biệt là thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh và các khu đô thị lân cận. Điều đó làm tăng vọt dân số cơ học ở các thành phố lớn làm phức tạp thêm đời sống xã hội tại các đô thị, gây không ít khó khăn cho công tác quản lý đô thị (Phùng Hữu Phú, tldđ). Mặt khác, chính tình trạng “chảy máu chất xám” cũng đã thực sự gây nhiều khó khăn cho sản xuất, đời sống gia đình và cộng đồng của nhiều vùng cư dân nông thôn.

Khảo sát của Viện CS&CLPTNT năm 2006 ở 8 xã thuộc đồng bằng Sông Hồng, Đông Nam bộ và đồng bằng Sông Cửu Long cho thấy hầu hết các vùng nông thôn gần như không còn lao động dưới 40 tuổi. Ở tỉnh Thái Bình, khoảng

45% lao động đã chuyển khỏi nông nghiệp, 20 vạn người đi làm ăn xa (Tương Lai, tldđ).

Như vậy với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, sự chuyển dịch mục tiêu sử dụng đất nông nghiệp trong quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, sự chênh lệch thu nhập giữa nông thôn và đô thị đã làm tăng thêm số lao động dư thừa từ lĩnh vực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và đã tác động làm gia tăng dòng di cư từ nông thôn đến đô thị, làm dân số cơ học tại các đô thị cũng tăng lên nhanh chóng

*- Những vấn đề liên quan đến đời sống văn hóa và môi trường tự nhiên*

Công nghiệp hóa, đô thị hóa thời gian qua đã tác động không ít đến đời sống văn hóa tinh thần của người dân nông thôn. Bên cạnh những tác động tích cực với việc phổ biến truyền bá lối sống công nghiệp hiện đại, các giá trị, các yếu tố văn hóa tiên tiến làm phong phú thêm đời sống văn hóa tinh thần của người dân nông thôn, thì những tác động tiêu cực cũng đang làm băng hoại dần nhiều giá trị văn hóa truyền thống của người nông dân và cộng đồng làng xã. Tác giả Phùng Hữu Phú cho rằng do thiếu chuẩn bị, thiếu định hướng, chọn lọc và do cả những bất cập trong công tác quản lý văn hoá, không ít những yếu tố phi văn hoá, phản văn hoá, từ đô thị và từ các phương tiện truyền thông, đặc biệt từ internet, đã thâm nhập vào đời sống nông thôn, dẫn tới những vấn nạn xã hội đáng suy nghĩ.

Theo nhiều ngã đường, một số sản phẩm, loại hình văn hoá, văn học, nghệ thuật, một số quan niệm, lối sống, cách ứng xử, làm ăn... không phù hợp, thậm chí trái ngược, đối lập với thuần phong mỹ tục, với những giá trị tốt đẹp đã lan về thôn quê; chúng thâm nhập và làm tha hoá một bộ phận cư dân nông thôn, đặc biệt là giới trẻ; làm vẩn đục môi trường văn hoá, xã hội; bào mòn và làm rạn nứt quan hệ tốt đẹp, đồng thuận và thuần phác trong cộng đồng làng xã.

Từ phương diện môi trường, đô thị hóa và công nghiệp hóa đã làm nông nghiệp, nông thôn đang phải hứng chịu những hậu quả nặng nề. Việc sử dụng không hợp lý, lãng phí quỹ đất canh tác; tình trạng san lấp, lấn chiếm ao hồ,



sông, suối, các công trình thủy lợi; nạn đốt phá rừng, khai thác khoáng sản tùy tiện cùng với sự yếu kém trong xử lý nước thải, rác thải, bụi, khói, tiếng ồn... đang làm cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, phá vỡ hệ sinh thái, gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, cảnh quan nông thôn, đời sống và sức khỏe của nông dân, giảm thiểu khả năng đề kháng, thậm chí làm trầm trọng thêm những tai biến của tự nhiên (Phùng Hữu Phú, tldd).

Nghiên cứu của giáo sư Trương Lai đã phân tích sự thiếu cân nhắc trong tiến trình công nghiệp hóa và đô thị hóa làm môi trường càng bị ô nhiễm, cảnh quan nông thôn càng bị tàn phá khốc liệt. Nghiên cứu cũng đã đưa ra nhiều ví dụ minh họa với những con số đáng chú ý: Lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy mỗi ngày tiếp nhận khoảng 800.000m<sup>3</sup> nước thải sinh hoạt. Riêng sông Nhuệ tiếp nhận từ sông Kim Ngưu, Tô Lịch, sông Lừ, sông Sét từ Hà Nội thải ra 400.000m<sup>3</sup> chưa được xử lý qua đập Thanh Liệt. Hệ thống những con sông trong lưu vực sông Đòng Nai đang chịu tác động cùng lúc từ nhiều nguồn, phần hạ lưu đang bị ô nhiễm nghiêm trọng, có những đoạn đã chết và đang chết. Riêng sông Thị Vải đã có đoạn bị chết kéo dài từ sau khu vực hợp lưu suối Cả-Đòng Nai đến khu công nghiệp Mỹ Xuân. Cùng với nguồn nước bị ô nhiễm là bầu không khí bị ô nhiễm với bụi với quá nhiều độc tố có sức gây nhảm và hủy hoại sức khỏe của người nông dân, nhất là người già và con trẻ. Bụi và độc tố trong không khí mà những người dân quê đang hàng ngày hít thở cũng nguy hiểm không kém gì khói bụi chứa độc tố mà người thành thị đang hít thở, thậm chí, có những vùng còn nguy hại hơn. Nông thôn không chỉ là nơi phải gánh chịu rác đô thị thải về một cách ngang nhiên và có tổ chức, mà cộng thêm vào đó là tình trạng rác của người nông thôn thải ra cũng chất đống ngay tại đó không hề có chuyện phải lo thu gom (Trương Lai, tldd).

Như vậy, quá trình công nghiệp hóa bằng mọi giá, quá trình đô thị hóa thiếu cân nhắc đã tác động mạnh, gây nên những hệ lụy đáng suy nghĩ đến đời sống văn hóa tinh thần của người dân nông thôn; làm ảnh hưởng nghiêm trọng

đến môi trường tự nhiên; gây nguy hại trực tiếp đến đời sống sản xuất của người nông dân, đến sức khỏe, trí tuệ của cư dân nông thôn.

Tóm lại quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa ở nước ta trong những năm đầu thế kỷ 21 đã làm thay đổi cơ bản diện mạo của đất nước; làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng tích cực, tạo đà cho phát triển ổn định bền vững. Đô thị hóa cũng tác động mạnh mẽ đến sản xuất nông nghiệp, đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của người nông dân và làm thay đổi căn bản bộ mặt xã hội nông thôn Việt Nam. Bên cạnh những tác động tích cực, căn bản, đô thị hóa cũng đã để lại nhiều ảnh hưởng tiêu cực, tạo ra nhiều vấn đề bức xúc trong đời sống xã hội cả ở khu vực nông thôn và đô thị.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Khu đô thị của những người cày mất ruộng, [www.tinmoi.vn](http://www.tinmoi.vn), ngày 07/06/2010
- [2] Khu công nghiệp: Động lực để nền kinh tế “cất cánh”, <http://dantri.com.vn/c25/s76-473544/khu-cong-nghiep-dong-luc-de-nen-kinh-te-cat-can.htm>
- [3] Nghị quyết số 26 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X, ngày 5/8/2008 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.
- [4] Phùng Hữu Phú, Đô thị hóa ở Việt Nam - từ góc nhìn nông nghiệp, nông thôn, nông dân, *Tạp chí tuyên giáo*, số 3 (2009).
- [5] Quyết định số 800/QĐ-TTg về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020.
- [6] Nguyễn Hồng Thục, Sức ép của quá trình đô thị hóa ở Việt Nam, *Tạp chí Cộng Sản* số 17 (2010).
- [7] Trương Lai, *Nông thôn đối diện với công nghiệp hóa và đô thị hóa*, <http://www.toquoc.gov.vn>;
- [8] <http://www.gso.gov.vn>

## Changes in Vietnamese Rural Society During the Industrialisational and Modernisational Process Early the 21<sup>st</sup> Century

Phạm Văn Quyết

*VNU University of Social Sciences and Humanities,  
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hanoi, Vietnam*

Based on the findings from a survey with 3000 households in rural area, as part of the independent state-funded research project (ĐTĐL.2010T/38), in Hanoi, Hồ Chí Minh City, Bắc Ninh and Bình Dương in 2010, this paper provides evidence to and sheds lights on changes in Vietnamese rural society of during the industrialisation and modernisation process early the 21<sup>st</sup> century. Besides positive effects, there are social problems relating to land use, population, labor, environment, and social and cultural aspects which need further practical solutions.

*Keywords:* Rural, agriculture, peasant, modernisation, industrialisation, new rural building strategy, rural social changes.